TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **343**/2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 190/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Vi Thị N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Kh, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Vi Thị N và anh Nguyễn Đình Kh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 27/5/2009 và Nguyễn Thị V, sinh ngày 18/4/2017 cho chị Vi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với

cháu Nguyễn Thị V. Mức cấp dưỡng 1.000.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2019 đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng. Anh Kh có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản, đất đai, công nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí* : Chị Vi Thị N phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000944 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Nguyễn Đình Kh phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Đã ký

Nguyễn Văn Toàn